

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 274/2016/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 17 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định miễn, giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp tại đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường;

Sau khi xin ý kiến và được sự thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 192/HĐND-THTT ngày 12 tháng 5 năm 2016;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 30/TTr-STC ngày 14 tháng 4 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định miễn, giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp tại đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 337/2012/QĐ-UBND ngày 12/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với cơ sở hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường tại đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Thu Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Miễn, giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp tại đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 274/2016/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định miễn, giảm tiền thuê đất đối với các tổ chức, cá nhân quy định tại Khoản 1, Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường (sau đây gọi tắt Nghị định số 59/2014/NĐ-CP).

2. Các nội dung khác về chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hoá hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp (sau đây gọi tắt là cơ sở thực hiện xã hội hoá) không nêu tại Quy định này thì thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ sở thực hiện xã hội hoá thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường (sau đây gọi tắt Nghị định số 69/2008/NĐ-CP) thuộc danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường (sau đây gọi tắt Quyết định số 1466/QĐ-TTg) và Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hoá ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg (sau đây gọi tắt là Quyết định số 693/QĐ-TTg).

2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa hoạt động trong lĩnh vực y tế được miễn tiền thuê đất theo Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 21/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành một số chính sách phát triển y tế theo Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 15/12/2014 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và cơ sở thực hiện xã hội hóa Trường mầm non được miễn tiền thuê đất theo Nghị quyết số 28/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ xây dựng trường mầm non trên địa bàn tỉnh Bắc Giang thì tiếp tục thực hiện; không chịu sự điều chỉnh của Quy định này.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Giảm tiền thuê đất

1. Cơ sở thực hiện xã hội hoá được giảm tiền thuê đất khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Cơ sở thực hiện xã hội hoá đủ điều kiện quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg và Quyết định số 693/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

b) Cơ sở xã hội hoá được Nhà nước cho thuê đất thuộc danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hoá được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

2. Mức giảm tiền thuê đất

Được tính bằng tỷ lệ % so với tiền thuê đất phải nộp theo quy định pháp luật hiện hành về tính tiền thuê đất, cụ thể như sau:

a) Đối với thành phố Bắc Giang, mức giảm 75%;

b) Đối với thị trấn thuộc các huyện, mức giảm 85%.

Điều 4. Miễn tiền thuê đất

1. Cơ sở thực hiện xã hội hoá được miễn tiền thuê đất khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Theo quy định tại Khoản 1, Điều 3 Quy định này;

b) Cơ sở thực hiện xã hội hoá được Nhà nước cho thuê đất (đất chưa bồi thường giải phóng mặt bằng, chưa có cơ sở hạ tầng) nhà đầu tư thực hiện dự án tự nguyện ứng trước kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng và có cam kết không nhận lại tiền bồi thường giải phóng mặt bằng.

2. Thời gian được miễn tiền thuê đất là thời gian thực hiện dự án theo quyết định thuê đất hoặc hợp đồng thuê đất được ký kết.

Điều 5. Các trường hợp không xét miễn, giảm tiền thuê đất

1. Cơ sở thực hiện xã hội hoá được Nhà nước cho thuê đất và được miễn hoặc giảm tiền thuê đất theo quy định, nhưng có nguyện vọng được nộp tiền thuê đất (không áp dụng chính sách ưu đãi) theo quy định tại điểm 6, Khoản 3, Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP.

2. Cơ sở thực hiện xã hội hoá trúng đấu giá thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai, thì không được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định này.

3. Cơ sở thực hiện xã hội hoá trong quá trình hoạt động không thực hiện đúng quy định của Nhà nước và các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xã hội hoá.

Điều 6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục về miễn, giảm tiền thuê đất

Hồ sơ, trình tự, thủ tục về miễn, giảm tiền thuê đất thực hiện theo quy định tại điểm 4.6, Khoản 3, Điều 1 Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (sau đây gọi tắt là Thông tư số 156/2014/TT-BTC).

Điều 7. Xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân vi phạm Quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong quá trình thực hiện dự án không đúng mục đích, thì bị xử lý theo quy định tại tiết a, điểm 9, Khoản 3, Điều 1 Thông tư số 156/2014/TT-BTC.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các Sở, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan hướng dẫn thực hiện Quyết định này;

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định để phục vụ cơ sở thực hiện xã hội hoá, công bố công khai về quỹ đất này;

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Công bố công khai quy trình, thủ tục giải quyết việc thực hiện dự án đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa;

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan thực hiện rà soát và trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề sửa đổi, bổ sung Danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa tại địa phương theo quy định;

c) Chủ trì, phối hợp cùng các ngành tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn nhà đầu tư, trong trường hợp có từ hai (02) nhà đầu tư trở lên xin đăng ký đầu tư vào cùng một (01) vị trí.

4. Cục Thuế tỉnh

a) Căn cứ Quy định miễn, giảm tiền thuê đất tại Quy định này và các quy định của nhà nước hiện hành, tổ chức thực hiện kiểm tra hồ sơ, thủ tục để xem xét quyết định việc miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở chuyên ngành về xã hội hóa tiến hành kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án xã hội hóa theo đúng điều kiện và tiêu chí đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp phát hiện cơ sở thực hiện xã hội hóa không đáp ứng đủ điều kiện và tiêu chí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Vào tháng một (01) hàng năm, Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình quản lý thu tiền thuê đất của các dự án xã hội hoá trên địa bàn tỉnh của năm trước liền kề, tình hình và số liệu miễn, giảm tiền thuê đất; số dự án không đầy đủ hồ sơ, thủ tục, không đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về quy mô, tiêu chuẩn theo quy định và không đủ căn cứ quyết định miễn, giảm tiền thuê đất theo Quy định này và tham mưu xây dựng báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tài chính theo quy định tại Khoản 10, Điều 18 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Chủ trì, phối hợp với nhà đầu tư thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa.

6. Cơ sở thực hiện xã hội hoá

Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tài chính, thuế, đầu tư xây dựng, đất đai và bảo vệ môi trường; các quy định tại Điều 16, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP và Quy định này.

Điều 9. Quy định chuyển tiếp

1. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất ở, đất đô thị thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn do Thủ Tướng Chính phủ quyết định và đã thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định số 337/2012/QĐ-UBND ngày 12/10/2012, thì cơ sở thực hiện xã hội hóa được hưởng ưu đãi theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa đã được Nhà nước giao đất mà được miễn tiền sử dụng đất hoặc được giảm tiền sử dụng đất và đã nộp phần tiền sử dụng đất không được giảm theo quy định tại pháp luật về khuyến khích xã hội hóa trước ngày

Nghị định số 59/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, thì tiếp tục sử dụng đất theo thời hạn sử dụng đất còn lại mà không phải chuyển sang thuê đất.

3. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được nhà nước giao đất, cho thuê đất đã giải phóng mặt bằng và được Ủy ban nhân dân tỉnh cho hưởng chính sách ưu đãi theo quy định tại Quyết định số 337/2012/QĐ-UBND đến trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành mà Nhà nước không yêu cầu nộp tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng thì cơ sở xã hội hóa không phải hoàn trả nhà nước số đã cho hưởng./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thu Hà